

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 66/2020/HSST

Ngày: 25/12/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương - Thư ký, TAND H.Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/TLST-HS ngày 13/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HS ngày 10/12/2020 đối với bị cáo:

**Trần Trọng T** - Sinh ngày 04/8/2003.

(Tính đến ngày phạm tội bị cáo được 17 tuổi 10 ngày)

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Trọng B - SN 1976; và bà: Lê Thị H - SN 1979; Chưa vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lê Khắc H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

**Bị hại:** Nguyễn Trung K – Sinh ngày 02/7/2004.

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện : Bà Trần Thị P – SN 1947

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 14/8/2019, Trần Trọng T điều khiển xe mô tô BKS 36B7 - 451.91 sang nhà Nguyễn Trung K để lấy mũ bảo hiểm đi làm. Đến nơi T dựng xe ngoài sân rồi đi vào nhà gặp K. Khi vào trong nhà, T gặp Nguyễn Trung P (em trai K) đang ngồi chơi điện thoại ở phòng khách. T đi vào phòng ngủ của K, thấy K đang ngủ, trên đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động Oppo A52 màu đen đang cắm sạc, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rút sạc pin lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra vườn phía sau nhà cắt đầu vào chiếc lu gốm đã cũ để trong nhà vệ sinh (nhà vệ sinh gia đình K không sử dụng), chờ lúc nào nhà K không có người ở nhà sẽ đến lấy về sử dụng. Sau khi cắt đầu điện thoại xong, T ra ngoài lấy xe đi làm. Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày K đến hỏi T có lấy điện thoại của mình không, nhưng T không nhận. Đến ngày 17/8/2020, do nghi ngờ T lấy điện thoại của mình nên K và gia đình đã báo cáo Công an xã Q. Công an xã Q đã triệu tập T đến làm việc, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và khai ra nơi cắt đầu chiếc điện thoại trộm cắp của K. Sau đó Công an xã Q đã chuyển vụ việc lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương giải quyết.

Theo báo cáo của anh Nguyễn Trung K, anh bị mất 01 điện thoại di động Oppo A52 màu đen trị giá khoảng 6.000.000đ.

Ngày 26/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quảng Xương đã định giá chiếc điện thoại Oppo A52 màu đen tại thời điểm bị mất, trị giá 5.500.000đ.

Ngày 14/9/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại di động Oppo A52 màu đen cho anh K, anh K đã ủy quyền cho bà Trần Thị P (bà ngoại anh) nhận thay và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Exiter 150 màu đen BKS 36B7 - 451.91 T điều khiển đến nhà K. Quá trình điều tra xác định đây là xe T mượn của bà Lê Thị H (mẹ T) để đi làm. Việc T đi xe đến nhà anh K để trộm cắp bà H không biết, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương không ra quyết định thu giữ chiếc xe của bà H là phù hợp.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 13/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Trần Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo trong cáo trạng và đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; Điều 100; điều 36 BLHS. Xử phạt: Trần Trọng T từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự, đề nghị HĐXX không xét.

Ý kiến bào chữa cho bị cáo T: Bị cáo T là người chưa đủ 18 tuổi nên chưa ý thức và đánh giá hết được hậu quả có thể xảy ra khi thực hiện hành vi cũng như chưa lường trước hết được hậu quả pháp lý mà bị cáo phải đối diện từ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đang trong giai đoạn phát triển chưa hoàn thiện cả về thể chất và trí lực nên nhận thức và suy nghĩ còn bột phát nhất thời. Sau khi thực hiện hành vi đến nay tài sản đã được thu hồi. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90; 91; 100 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo bằng hình thức cải tạo không giam giữ cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Bị hại anh K không có ý kiến tranh luận gì. Anh và người đại diện cho anh đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Khoảng 6h30 phút ngày 14/8/2019 tại nhà anh Nguyễn Trung K thuộc thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Trần Trọng T đã có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động Oppo A52 màu đen của anh Nguyễn Trung K, trị giá 5.500.000đ.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các áu liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[4] Hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của anh K một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn trong khu vực. Bị cáo tuổi đời còn trẻ không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của người khác. Bị cáo trộm cắp điện thoại nhằm chiếm đoạt tài sản để sử dụng; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

{3} Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

+*Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*+Tình tiết giảm nhẹ:* Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

Bị cáo T khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng khoản 1 Điều 91; khoản 1, 2 Điều 100 BLHS để xử lý đối với bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự ; Có nơi cư trú rõ ràng và có nhân thân tốt nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo được cải tạo tại địa phương bằng hình thức cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

*Về khấu trừ thu nhập:* Bị cáo phạm tội cho đến nay chưa đủ 18 tuổi đang phải sống phụ thuộc bố, mẹ nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo là phù hợp.

[5] *Bồi thường dân sự:* Bị hại anh K đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về phần dân sự nên HĐXX không xét.

[6] *Án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6 ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 91 ; Khoản 1, 2 Điều 100 ; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 BLHS.

***Tuyên bố:*** Bị cáo Trần Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

***Xử phạt:*** Trần Trọng T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

*Về khấu trừ thu nhập:* Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T.

Giao bị cáo Trần Trọng T cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- *Bồi thường dân sự:* Bị hại anh K đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

- ***Án phí:*** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Trần Trọng T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo ; bị hại anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nội nhân:**

- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- VKSND H.Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Lý**